


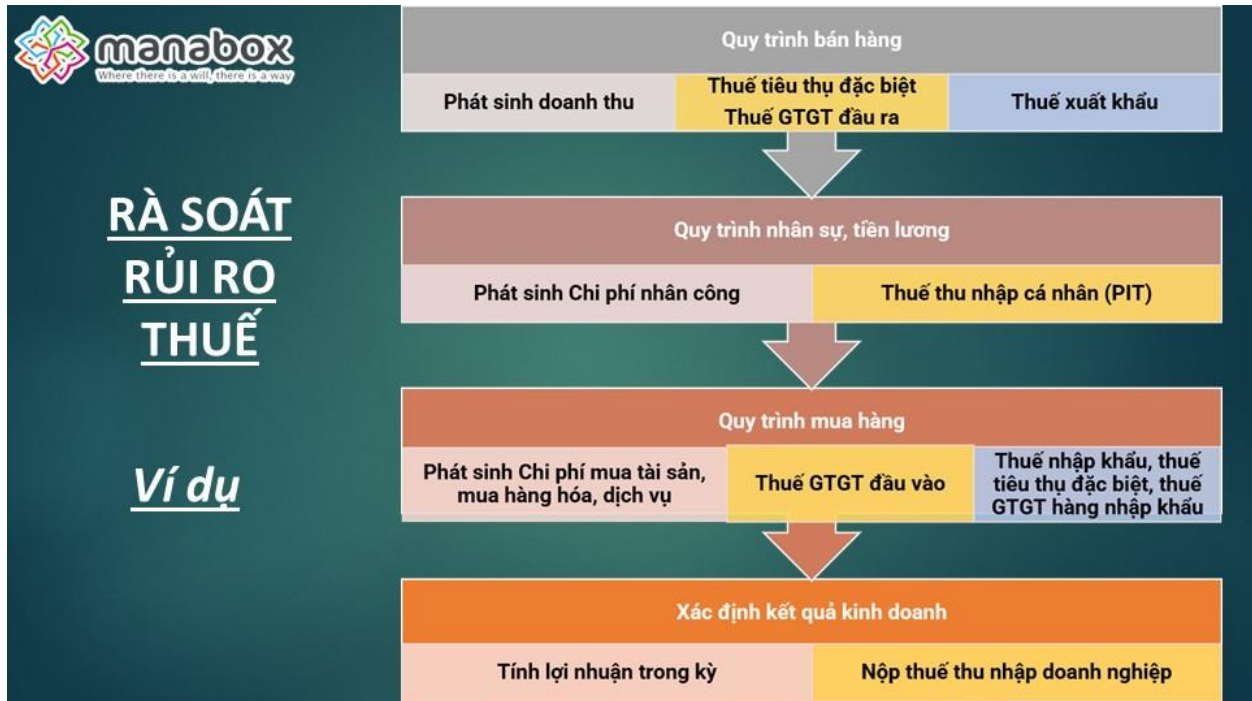
Webinar slide sample



DANH SÁCH HỒ SƠ CẦN CHUẨN BỊ

HỒ SƠ PHÁP LÝ	HỢP ĐỒNG	HỒ SƠ HÀNG KỲ	CHỨNG TỪ KHÁC
<ul style="list-style-type: none"> ■ IRC, ERC ■ Các tài liệu nội quy, quy chế ■ Đăng ký phương pháp, chế độ kế toán 	<ul style="list-style-type: none"> ■ Hợp đồng thương mại ■ Hợp đồng lao động ■ Hợp đồng vay 	<ul style="list-style-type: none"> ■ BCTC ■ Chứng từ gốc ■ Tờ khai thuế 	<ul style="list-style-type: none"> ■ Thư quản lý... ■ Chứng từ khác liên quan

- Tài liệu bản mềm hay bản cứng?
- Tài liệu kế toán bằng tiếng nước ngoài?
- Mất chứng từ thì làm thế nào?



Lưu ý: chúng tôi không đề cập rủi ro về thuế Giá trị gia tăng, Tiêu thụ đặc biệt, Thuế xuất nhập khẩu và các thủ tục hải quan.

Những điểm sau đây sẽ được trình bày ở các file riêng biệt:

- Mua sắm tài sản cố định và nhập mua nguyên vật liệu
- Chi phí không được trừ theo quy định mới nhất của cơ quan thuế
- Thuế TNCN của người Nhật

Các ký tự viết tắt		
CIT	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Rủi ro rất cao (AA)
PIT	Thuế thu nhập cá nhân	Rủi ro cao (A)
FCT	Thuế nhà thầu	Rủi ro trung bình (B)

Rủi ro thuế thường gặp trong giao dịch của doanh nghiệp						Tình trạng			Tham chiếu
No	Phân loại theo chu trình kinh doanh	Loại giao dịch	Rủi ro thường gặp	Loại thuế	Mức độ rủi ro	Diễn giải	Ước tính số tiền ảnh hưởng	Tổng ảnh hưởng	
税務リスク						当社の状況			参照
	区分	取引タイプ	リスク(指摘されやすい項目)	税金	リスクの大きさ	説明	影響額(見積もり)	当社にとってのリスクの大きさ	
A. Những rủi ro chung liên quan đến hoạt động của Công ty và sự thay đổi của văn bản luật									
全般、投資インセンティブ									
B. Doanh thu và các khoản phải thu									
売上、売掛金									
1	Doanh thu 売上	Hoạt động kinh doanh, thương mại Trading activities	Không thỏa mãn điều kiện hưởng ưu đãi thuế Break the incentive condition	CIT	B	[Situation]: Công ty có hoạt động kinh doanh thương mại. Công ty đã tách biệt thu nhập từ các hoạt động kinh doanh và được coi là đối tượng không được hưởng ưu đãi Thuế. The company has trading activities. The company already separate income from trading activities and treated as non-subject to incentive. [Comment]: Không có rủi ro đặc biệt. There is no particular risk.			
		Hàng hóa xuất khẩu 期スレ	Xác định sai doanh thu tính thuế do có sự khác biệt về thời điểm xác định doanh thu cho mục đích kế toán (là thời điểm chuyển giao rủi ro) và cho mục đích thuế (là thời điểm hoàn thành thủ tục hải quan). 期スレのため、税務担当より指摘されるリスク	CIT	C	[Situation]: Điều kiện xuất khẩu là CIF hoặc FOB hoặc FCA, trong đó ngày ghi nhận việc bán hàng hoặc mục đích kế toán là ngày trên văn đơn. Term of export sales is CIF or FOB or FCA, in which date of recognising sales or accounting purpose is date of bill of lading. [Comment]: Qua cuộc trao đổi với nhân viên kế toán, khoảng cách giữa ngày văn đơn và ngày khai báo hải quan là nhỏ. -> Nguy cơ nhầm ngày hoàn thành là thấp. Per interview with the accountant, the gap between bill of lading date and customs declaration date is small. -> The risk of wrong cut-off date is small.			
		Giảm trừ doanh thu: hàng hóa bị trả lại, giảm giá 返品、値引き	Không có chứng từ hợp lệ chứng minh các khoản ghi giảm doanh thu dẫn đến rủi ro không được giảm thu nhập chịu thuế khi tính thuế. 十分な資料がないため否認されるリスク	CIT	B	[Situation]: Trong năm 20xx, có một số khoản giảm nhỏ (0,03% tổng doanh thu) và theo trao đổi của kế toán, mỗi lần giảm doanh thu đều chứng từ hợp lệ chứng minh khoản ghi nhận giảm doanh thu. -> Rủi ro thấp In 20xx, there are some small amount of reduction (0.03% total gross sale amount) and per interview the accountant, each sales reduction has a set of evidence for them. -> Small risk			
		Xuất hóa đơn giá trị gia tăng VAT 請求書の発行	Xuất hóa đơn không đúng thời điểm, áp dụng sai tỷ giá tính thuế (nếu có). 間違った時期に請求書を発行し、間違った税率を適用します(存在する場合)	VAT	B	[Situation]: Công ty giao hàng cho khách hàng A hơn 1 lần / tháng nhưng không xuất hóa đơn GTGT khi hàng đã giao. Theo thỏa thuận với khách hàng A, toàn bộ lô hàng sẽ được đối chiếu vào cuối tháng và xuất 1 hóa đơn/tháng. The company delivers goods to clients A more than 1 time per month but not issued VAT invoice when goods have delivered. According to agreement with Client A, all shipment will be reconciled at the end of month and issue 1 invoice per month. [Comment]: -> Rủi ro trung bình do chậm xuất hóa đơn theo quy định. -> Medium risk of late issuing invoice according to regulation.			
2	AR 売掛金	Dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi 貸倒引当金	Dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi vượt quá định của văn bản hướng dẫn sẽ không được tính vào chi phí hợp lý. 法定上限金額を超える貸倒引当金を否認されるリスク	CIT	B	[Situation]: Thông thường công ty bán hàng cho công ty liên quan và công ty Nhật Bản như A, B và không có nợ phải thu khó đòi và dự phòng phải thu khó đòi trong năm 20xx. Usually the company sell goods to related company and Japanese company like A, B and there is no bad debt and provision for bad debt in 20xx. [Comment]: -> Không có rủi ro về nợ xấu. -> There is no risk of bad debt.			
C. Hàng tồn kho và Giá vốn hàng bán									
棚卸資産、売上原価									
D. Tài sản cố định, chi phí khấu hao và chi phí trả trước									
固定資産、償却費用									
E. Nhân sự, tiền lương và các khoản phúc lợi khác									
人件費									
F. Dịch vụ do bên nước ngoài cung cấp									
海外取引									
G. Chi phí hoạt động									
営業経費									
H. Chi phí và doanh thu hoạt động tài chính									
その他費用、収益									
K. Các khoản khác									
その他									